

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/DS-ST

Ngày: 05-4-2024.

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hui”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán – Chủ Toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Văn Gân.

2/ Bà Trần Thị Sang.

Thư ký phiên toà: Ông Dương Khởi - Thư Ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023 về: *“Tranh chấp hợp đồng góp hui”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXX-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt)

Bà Huỳnh Thị H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ý, sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia tố tụng (Theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 8 năm 2023) (Bà Nguyễn Thị Ý vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị H, tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có lời trình bày và yêu cầu như sau: Bà H có tham gia giao dịch hụi do bà T làm đầu thảo dây hụi tháng loại 1.000.000đồng, bà H tham gia hai phần, bà đóng hụi đến mãn hụi thì bà T tuyên bố bể hụi nhưng không giao lại số tiền hụi sống cho bà, đến ngày 09 tháng 4 năm 2022 bà T có viết một biên nhận thừa nhận còn nợ bà số tiền 34.000.000đồng (*Ba mươi bốn triệu đồng*). Bà T có hứa đến ngày 30/8/2022 sẽ hoàn trả đủ số tiền cho bà. Sau đó ông C là chồng bà T có trả cho bà được số tiền là 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*), còn lại số tiền 29.000.000đồng (*Hai mươi chín triệu đồng*) đến nay bà T chưa trả cho cho bà.

Bà H khởi kiện yêu cầu bà T và ông C phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 29.000.000 đồng (*Hai mươi chín triệu đồng*), phần tiền lãi bà H không yêu cầu.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai của bà T vào ngày 22/3/2024 bà T có lời trình bày như sau: Bà có làm đầu thảo hụi và có mở dây hụi tháng loại hụi 1.000.000đồng có 17 phần, bà H có tham gia hai phần và đóng hụi đầy đủ đến mãn hụi thì bà H được hốt số tiền 34.000.000đồng (*Ba mươi bốn triệu đồng*) nhưng bà chưa giao tiền cho bà H, ngày 09 tháng 4 năm 2022 bà có viết biên nhận nợ với bà H, bà có hứa đến ngày 30 tháng 8 năm 2022 sẽ trả đủ số tiền cho bà H, sau đó bà có gửi trả cho bà H được số tiền hụi là 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*) hiện tại bà còn nợ bà H số tiền là 29.000.000 đồng (*Hai mươi chín triệu đồng*) chưa trả. Thời gian qua do dịch bệnh và do các hụi viên khác đóng hụi trễ cho bà nên bà chưa có tiền trả cho bà H. Nay bà đồng ý trả cho bà H số tiền còn nợ là 29.000.000đồng, nhưng bà xin bà H bớt cho bà số tiền 9.000.000đồng. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì.

Theo ông Nguyễn Văn C trình bày như sau: Ông là chồng của bà Bùi Thị T, ông thống nhất theo ý kiến trình bày của bà T, ông không có yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ kiện nhiều lần nhưng phía bà T và ông C vắng mặt, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có lời trình bày. Đương sự có mặt không bổ sung chứng cứ gì mới tại phiên Tòa.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên kết luận trình tự thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng qui định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điều 91, Điều 147, Điều 227 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, họ, họ, họ, họ;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H.

Buộc bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền họ còn nợ 29.000.000đồng (*Hai mươi chín triệu đồng*)

Ngoài ra Vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc các đương sự phải chịu án phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng góp họ*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ý tham gia tố tụng. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Ý, bà Bùi Thị T, ông Nguyễn Văn C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như qua lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn là bà T và ông C1 thừa nhận ông, bà có làm đầu thảo họ và bà H là họ viên có tham gia đây họ tháng loại họ 1.000.000đồng, bà H tham gia hai phần, quá trình giao dịch họ thì bà H đã đóng họ đến mãn họ và bà được hốt họ với số tiền 34.000.000đồng, tuy nhiên bà T không giao họ đầy đủ cho bà H mà bà T chỉ giao cho bà H số tiền 5.000.000đồng, còn lại số tiền 29.000.000đồng đến nay bà T, ông C chưa giao cho bà H, lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết sự kiện đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Ý là người đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày bà H vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông C phải phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hui còn nợ là 29.000.000đồng (*Hai mươi chín triệu đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà H có cơ sở chấp nhận. Bởi vì bà H tham gia chơi hui do bà T làm đầu thảo và bà H được hót hui, nhưng đầu thảo không giao tiền hui cho hui viên và vào ngày 09 tháng 4 năm 2022 bà T có viết biên nhận còn nợ bà H số tiền 34.000.000đồng, bà T chỉ trả cho bà H số tiền 5.000.000đồng số tiền còn lại bà T, ông C không trả đủ cho bà H là vi phạm nghĩa vụ của đầu thảo với hui viên.

[5] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà H là có căn cứ chấp nhận được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Buộc bà T và ông C có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hui còn nợ là 29.000.000đồng (*Hai mươi chín triệu đồng*)

[6] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Vị kiểm sát viên là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí và lệ phí. Bà T và ông C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, 288 và khoản 2 Điều 468, 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H.

Buộc bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền hui còn nợ là 29.000.000đồng (*Hai mươi chín triệu đồng*)

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.450.000đồng (*Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bà Huỳnh Thị H không phải chịu án phí và bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 725.000đồng (*Bảy trăm hai mươi lăm nghìn*) theo biên lai thu tiền số 0000573 ngày 22 tháng 12 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định tại Điều 174 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên